

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Công trình giao thông Đồng Nai

Ngày 30/09/2025	5,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.8%	0%	-9.1%

DT thuần Q3/25
155
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 33.0 27.3%
YoY: ▲ 93.6 153%

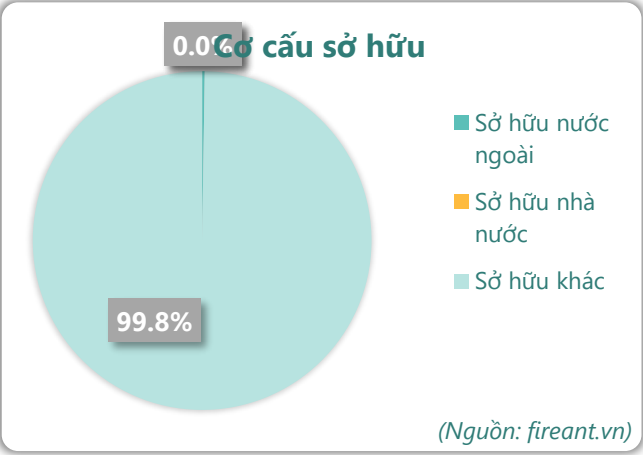
LN thuần Q3/25
3.67
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.9 140%
YoY: ▲ 11.7 146%

LN sau thuế Q3/25
1.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 16.8 108%
YoY: ▼0.14 -10.4%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
4.8%
YoY: +/-▲ 12.7%

ROE (TTM) Q3/25
-1.0%
YoY: +/-▼ 0.0%

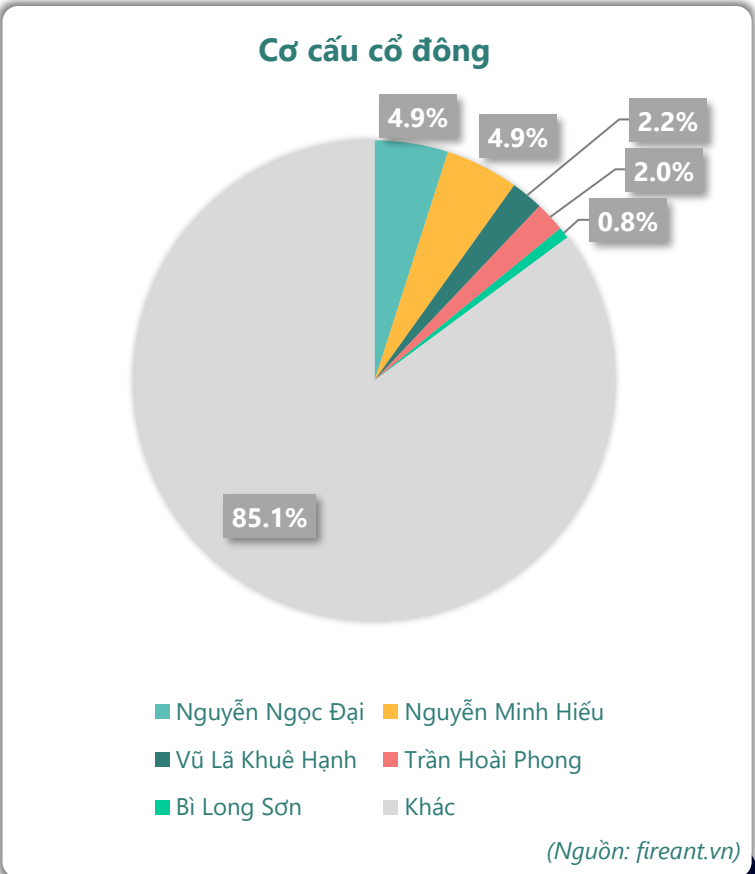
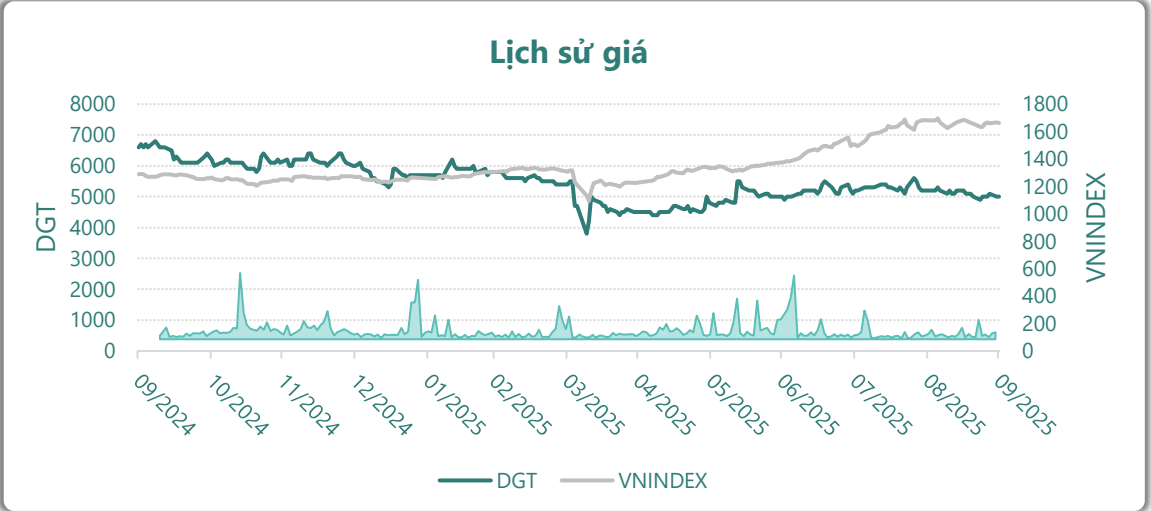
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,800 - 6,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	395
Số lượng CPLH (CP)	79,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	227,915
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.78
EPS	-125
P/E	-39.9



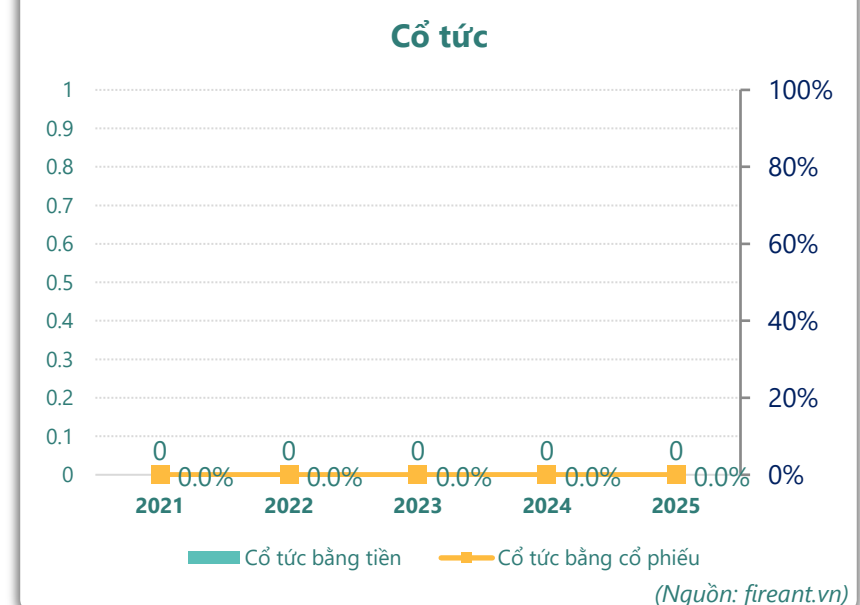
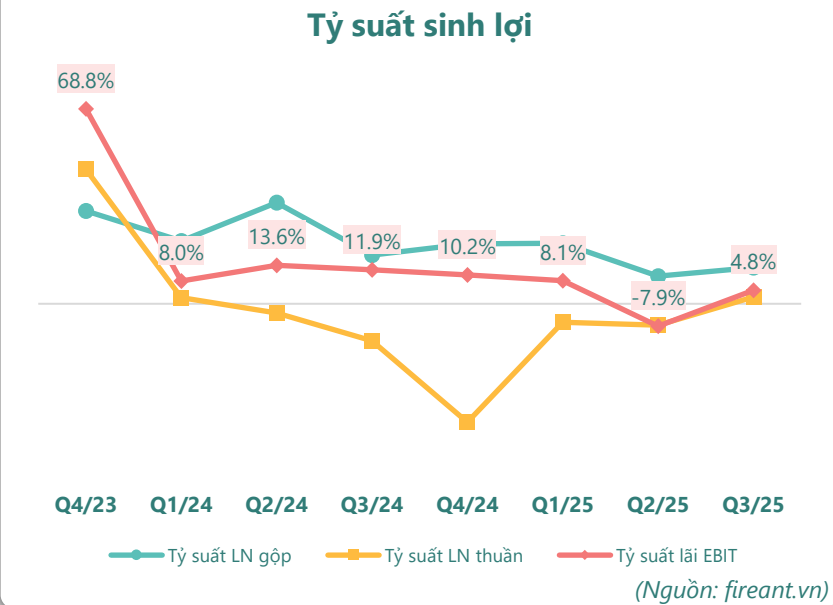
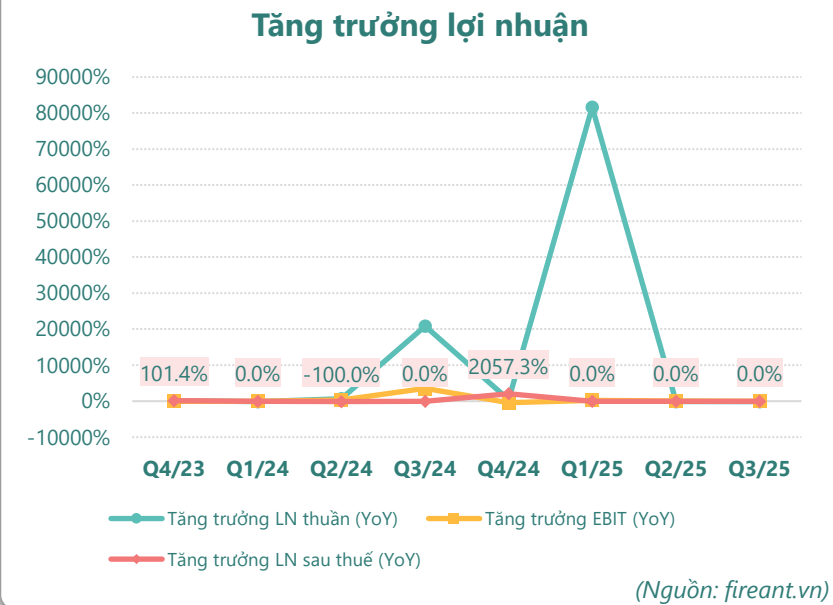
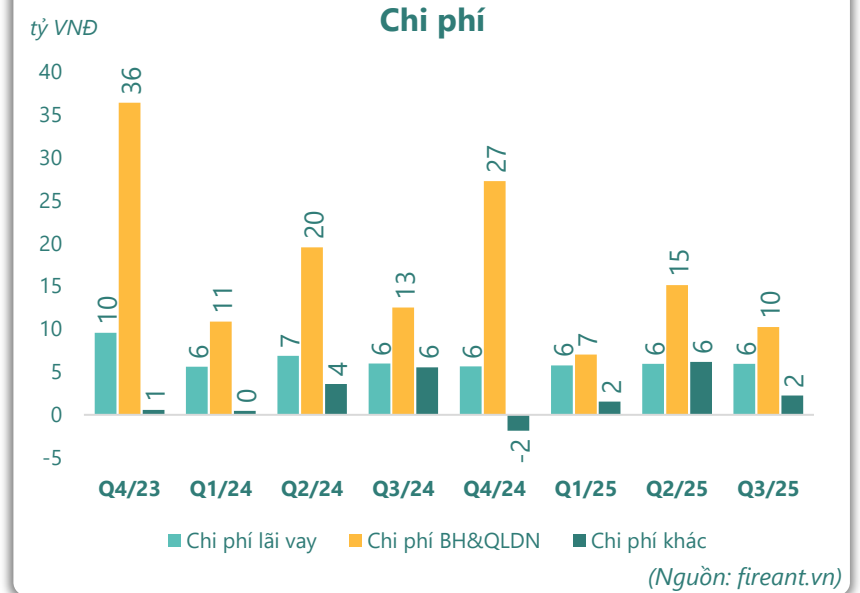
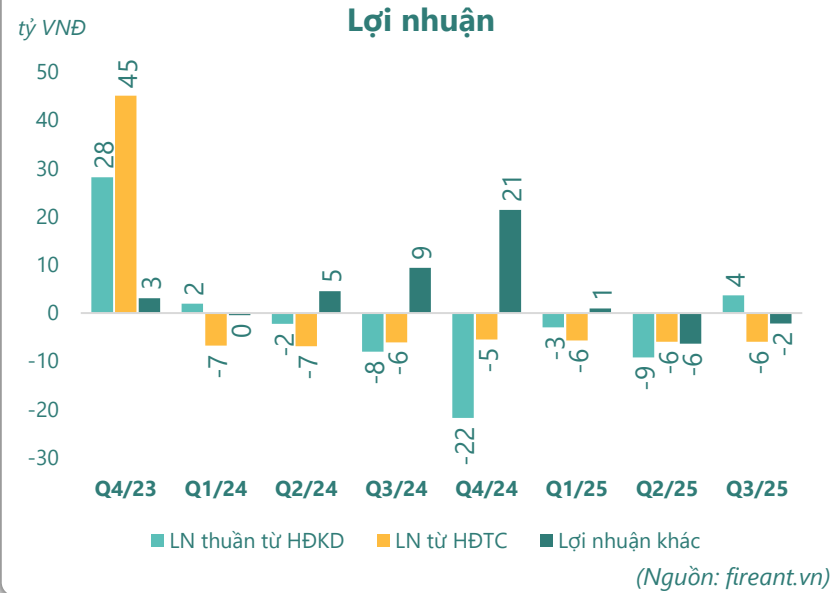
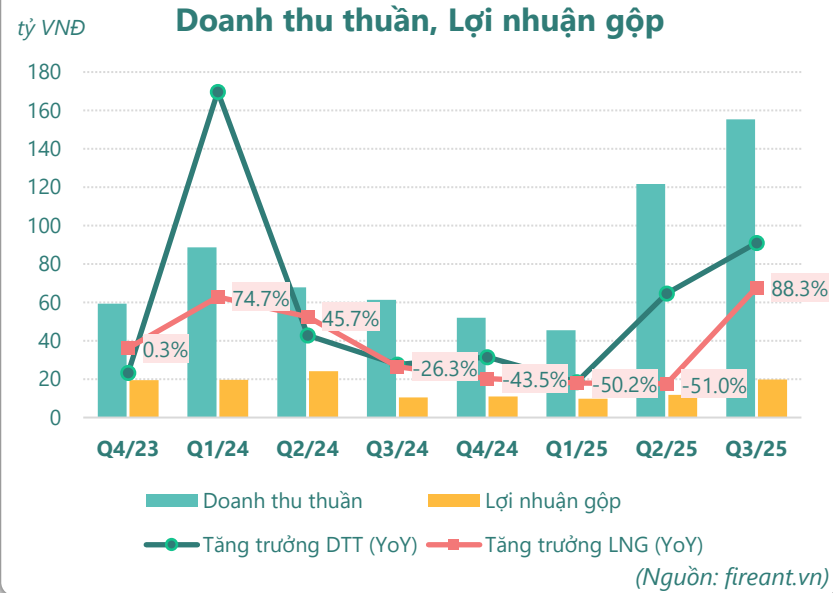
DT thuần 9T 2025
323
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 105 48.1%

LN thuần 9T 2025
-8.55
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.25 -3.0%

LN sau thuế 9T 2025
-16.5
tỷ VNĐ
YoY: ▼21.5 -430%



KẾT QUẢ KINH DOANH



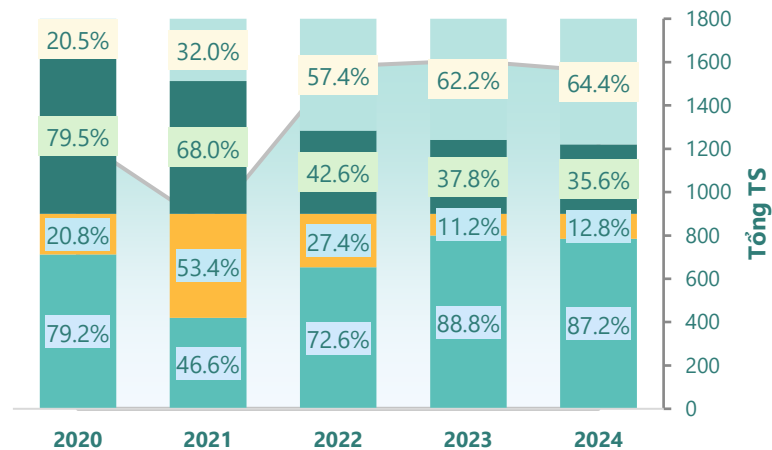


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

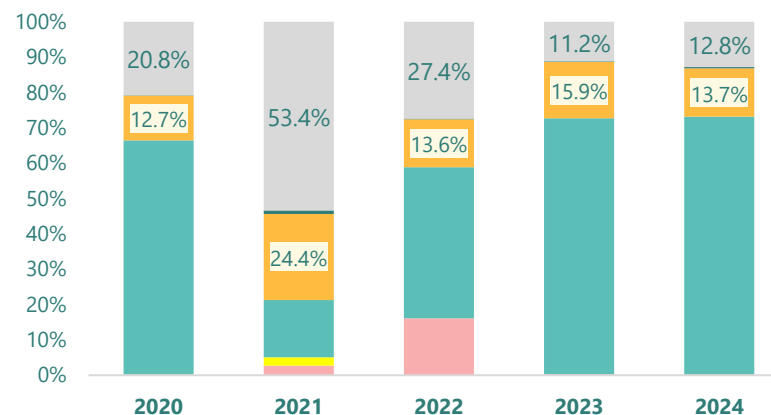
Tổng TS



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

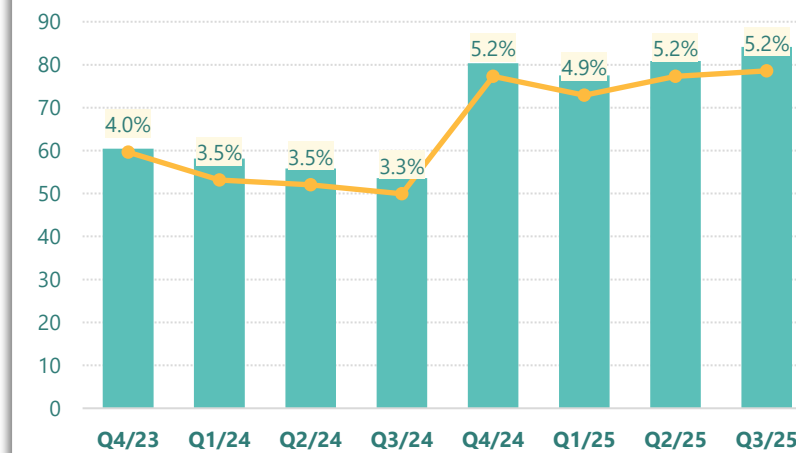


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

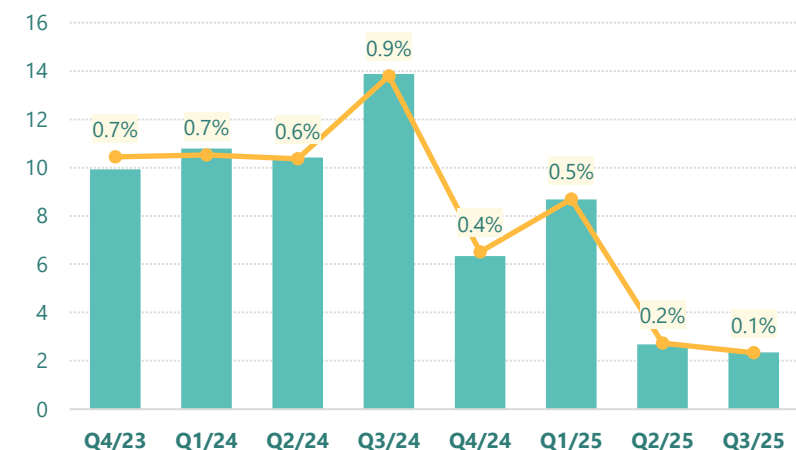


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

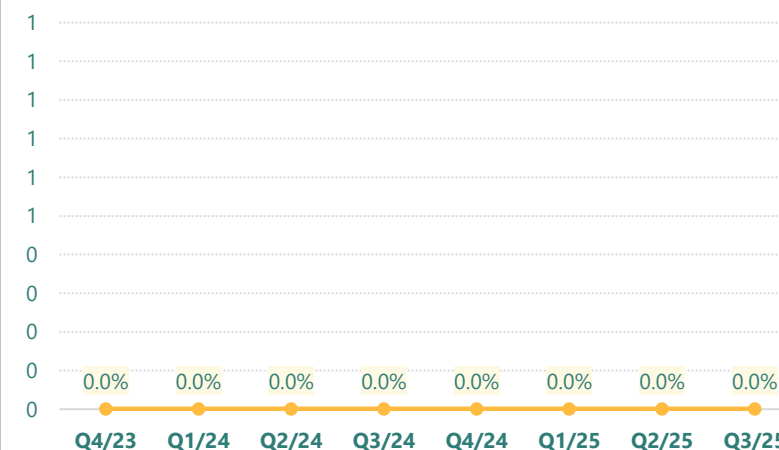


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

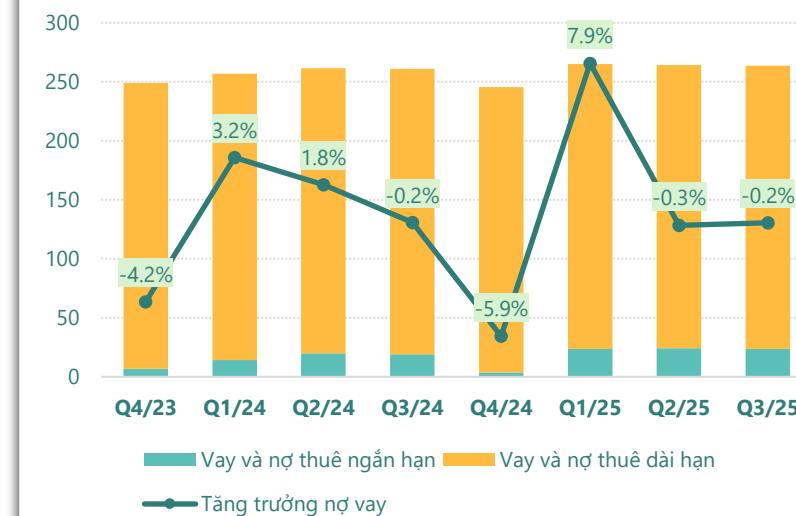


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

— Tăng trưởng nợ vay

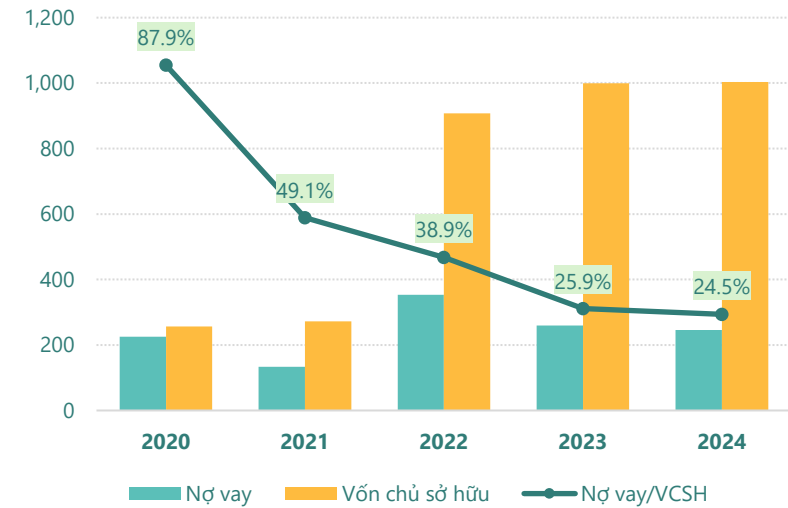
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

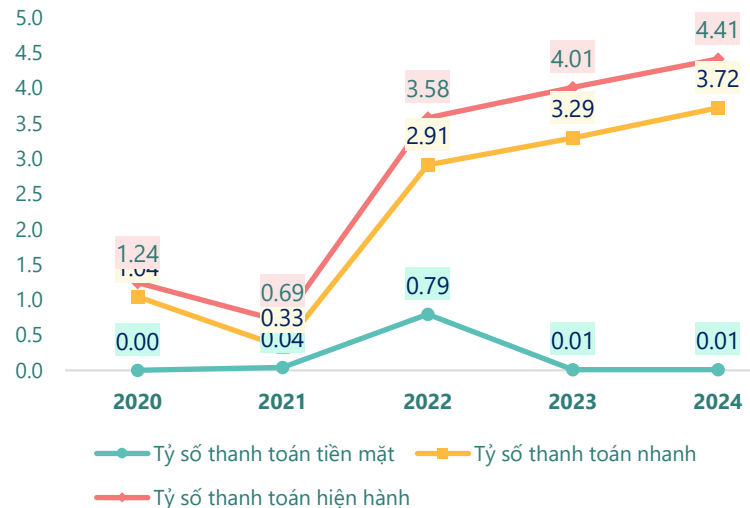
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



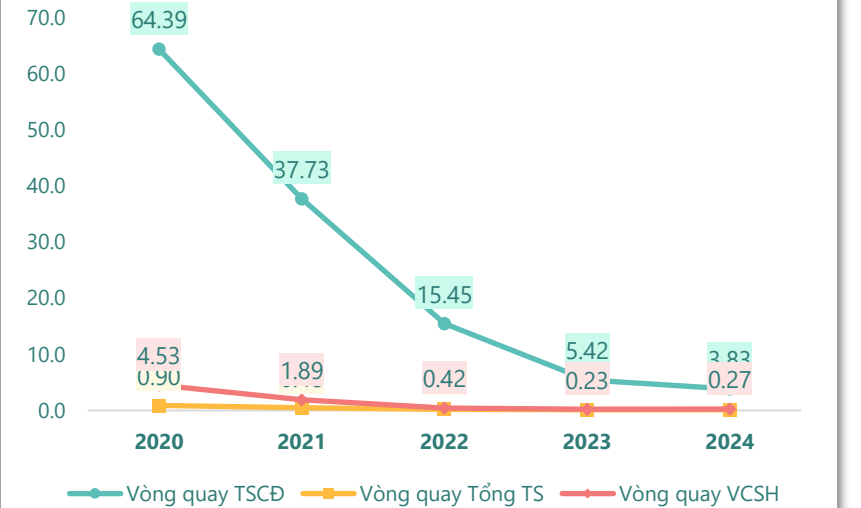
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



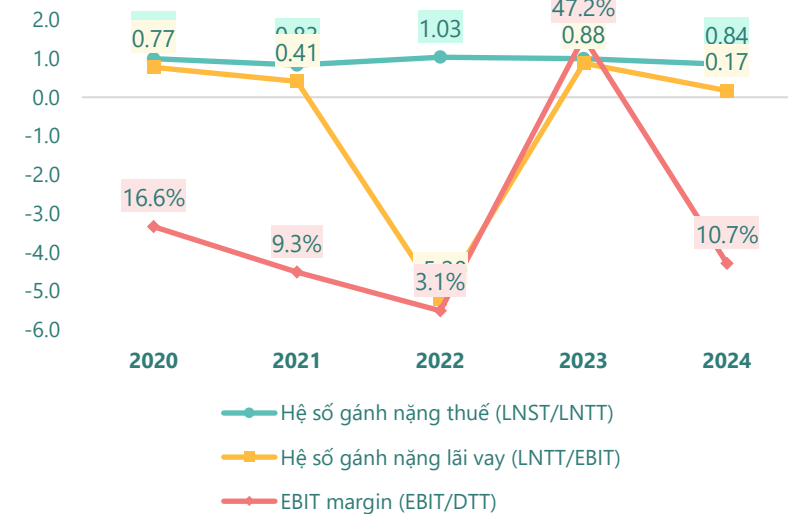
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



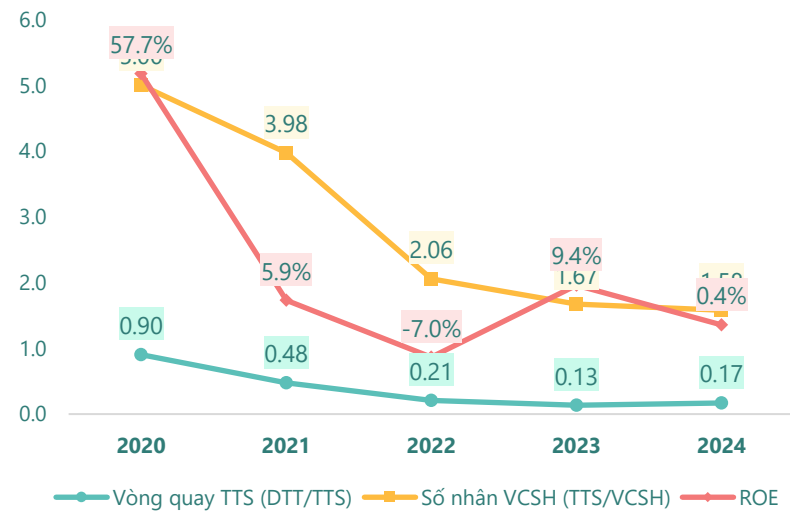
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



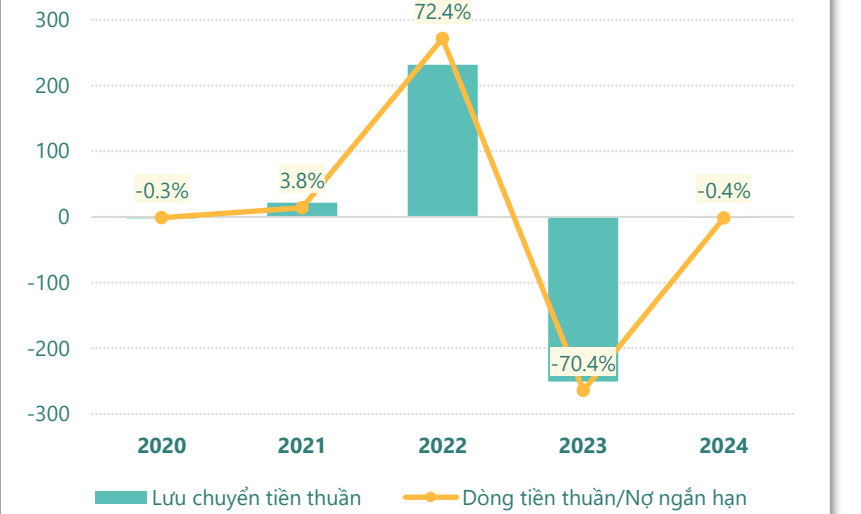
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	155	61.4	153%	323	218	48.1%
Giá vốn hàng bán	135	50.8	167%	281	163	71.9%
Lợi nhuận gộp	19.9	10.6	87.4%	41.5	54.3	-23.7%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.08	0.00	8868%
Chi phí TC	5.95	6.06	-1.9%	17.7	19.7	-10.3%
Chi phí lãi vay	5.95	5.99	-0.7%	17.7	18.5	-4.4%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	6.03	8.23	-26.7%	19.0	28.8	-34.0%
Chi phí QLDN	4.22	4.29	-1.5%	13.4	14.1	-5.1%
LN thuần từ HĐKD	3.67	-8.03	146%	-8.55	-8.30	-3.0%
Lợi nhuận khác	-2.18	9.37	-123%	-7.62	13.4	-157%
LN trước thuế	1.49	1.34	10.9%	-16.2	5.14	-415%
Lợi nhuận sau thuế	1.20	1.34	-10.4%	-16.5	5.00	-430%
LNST của CĐ cty mẹ	1.20	1.22	-1.6%	-8.87	3.92	-326%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.46	1.54	45.7	-20.1	14.0	5.77
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.78	-1.31	-28.4	0.05	-7.93	-2.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.86	-2.42	-16.8	19.5	-0.79	-0.45
Tiền đầu kỳ	3.78	4.32	2.13	2.70	2.15	7.37
Lưu chuyển tiền thuần	0.54	-2.19	0.57	-0.56	5.23	2.77
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.32	2.13	2.70	2.15	7.37	10.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,607	1,558	3.2%
Tài sản ngắn hạn	1,420	1,359	4.5%
Tiền và tương đương tiền	10.1	2.70	275%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,135	1,137	-0.1%
Hàng tồn kho	263	213	23.6%
Tài sản ngắn hạn khác	10.8	6.30	71.5%
Tài sản dài hạn	188	199	-5.9%
Phải thu dài hạn	7.31	7.02	4.1%
Tài sản cố định	84.2	80.3	4.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.34	6.34	-63.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	93.7	106	-11.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	620	555	11.8%
Nợ ngắn hạn	375	308	21.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	23.6	3.95	496%
Phải trả người bán ngắn hạn	175	135	29.5%
Nợ dài hạn	245	247	-0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	240	242	-0.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	987	1,003	-1.6%
Vốn chủ sở hữu	987	1,003	-1.6%
Vốn điều lệ	790	790	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

